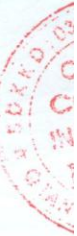


## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 42

3300  
C  
RÁCH  
KI  
AFC

671  
NG  
PH  
AB  
IC  
UTE



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy thực phẩm xuất khẩu Mỹ Châu theo Quyết định số 207/1998/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần như sau:

Đăng ký thay đổi	Ngày	Nội dung thay đổi
Lần thứ nhất	16 tháng 6 năm 2000	Bổ sung ngành nghề kinh doanh
Lần thứ hai	19 tháng 01 năm 2004	Đăng ký người đại diện theo pháp luật của Công ty
Lần thứ ba	06 tháng 11 năm 2006	Tăng vốn điều lệ lên 30.000.000.000 VND
Lần thứ tư	13 tháng 4 năm 2007	Tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 VND
Lần thứ năm	22 tháng 8 năm 2009	Tăng vốn điều lệ lên 81.976.420.000 VND
Lần thứ sáu	10 tháng 6 năm 2011	Tăng vốn điều lệ lên 98.495.200.000 VND
Lần thứ bảy	13 tháng 12 năm 2011	Tăng vốn điều lệ lên 103.395.200.000 VND
Lần thứ tám	10 tháng 6 năm 2015	Tăng vốn điều lệ lên 105.463.100.000 VND

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 3.9612844
- Fax : (08) 3.9612737

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ) và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	22 tháng 4 năm 2012
Ông Trịnh Hữu Minh	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Quý	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Trần Giang Sơn	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012



**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Tùng	Trưởng ban	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Hiếu	Thành viên	22 tháng 4 năm 2012

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Trịnh Hữu Minh	Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Quý	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2012
Bà Võ Ngọc Huỳnh Thư	Kế toán trưởng	22 tháng 4 năm 2012

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trịnh Hữu Minh (tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2012).

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.




**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



**TRỊNH HỮU MINH**  
Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2015



Số: 90/2016/BCKT-HCM.00149

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

**TRẦN THỊ HOÀNG YẾN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2131-2013-009-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>183.461.632.978</b>	<b>255.593.913.026</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.848.980.972</b>	<b>6.270.728.702</b>
Tiền	111	5.1	4.848.980.972	6.270.728.702
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.901.827.407</b>	<b>110.690.095.961</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	67.190.742.977	61.681.716.222
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	396.941.680	47.035.668.374
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	312.694.511	2.783.425.311
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(998.551.761)	(810.713.946)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>110.436.328.549</b>	<b>131.743.828.569</b>
Hàng tồn kho	141		110.436.328.549	131.743.828.569
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.274.496.050</b>	<b>6.889.259.794</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	783.699.131	354.399.375
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.13	349.766.251	4.765.274.010
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	141.030.668	1.769.586.409
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.043.612.850</b>	<b>116.327.061.923</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.352.943.000</b>	<b>1.352.943.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	1.352.943.000	1.352.943.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>135.803.487.695</b>	<b>105.559.122.238</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	88.220.517.123	103.444.703.387
Nguyên giá	222		285.283.054.977	282.233.179.308
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(197.062.537.854)	(178.788.475.921)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.9	47.582.970.572	2.114.418.851
Nguyên giá	225		51.945.220.902	2.916.439.794
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.362.250.330)	(802.020.943)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>508.342.558</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	508.342.558
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>1.219.987.800</b>	<b>1.193.321.400</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.972.000.000	1.972.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(752.012.200)	(778.678.600)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.667.194.355</b>	<b>7.713.332.727</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	5.667.194.355	7.713.332.727
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>327.505.245.828</b>	<b>371.920.974.949</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>123.656.415.918</b>	<b>214.061.617.791</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>99.324.145.142</b>	<b>169.841.850.690</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	13.524.601.021	31.204.563.902
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	141.705.115	614.825.823
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	4.737.455.764	232.683.546
Phải trả người lao động	314	5.14	6.105.020.519	4.331.552.178
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.065.676.993	1.479.004.336
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	11.526.724.589	17.789.415.178
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	62.180.076.131	113.811.356.463
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	42.885.010	378.449.264
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>24.332.270.776</b>	<b>44.219.767.101</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	24.202.030.044	43.993.648.775
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.19	130.240.732	226.118.326
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

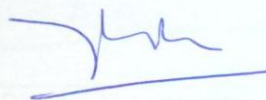


CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>203.848.829.910</b>	<b>157.859.357.158</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>203.848.829.910</b>	<b>157.859.357.158</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.713.370.000	105.463.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.713.370.000	105.463.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.557.011.449	24.014.701.449
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(317.124.000)	(317.124.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		26.458.369.840	24.418.946.498
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.437.202.621	4.279.733.211
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		400	-
LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.437.202.221	4.279.733.211
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>327.505.245.828</b>	<b>371.920.974.949</b>

  
NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

  
VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng



  
TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

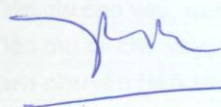
CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU


18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>381.270.683.972</b>	<b>370.608.170.605</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		49.822.200	200.838.250
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>381.220.861.772</b>	<b>370.407.332.355</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>324.978.941.488</b>	<b>319.207.881.054</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>56.241.920.284</b>	<b>51.199.451.301</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	231.846.328	426.500.325
Chi phí tài chính	22	6.4	10.164.858.037	11.002.627.813
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		9.479.280.856	8.498.826.989
Chi phí bán hàng	24	6.5	13.833.681.234	13.626.628.547
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	14.354.574.420	12.291.300.528
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>18.120.652.921</b>	<b>14.705.394.738</b>
Thu nhập khác	31	6.7	4.412.235.218	1.252.793.497
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>4.412.235.218</b>	<b>1.252.793.497</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>22.532.888.139</b>	<b>15.958.188.235</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	4.875.010.712	3.346.698.168
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.8	(95.877.594)	(90.313.544)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>17.753.755.021</b>	<b>12.701.803.611</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10.1	1.309	1.007

  
NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

  
VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng

  
TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.532.888.139	15.958.188.235
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	22.040.376.096	18.857.073.407
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	161.171.415	157.576.551
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	24.531.149	1.802.033.148
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(327.321.546)	(353.156.512)
Chi phí lãi vay	06	9.479.280.856	8.498.826.989
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53.910.926.109</b>	<b>44.920.541.818</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.293.843.239	(14.310.922.074)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	21.307.500.020	(2.307.764.805)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(18.968.275.880)	(12.365.025.948)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	1.616.838.616	(2.624.133.443)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.774.585.240)	(8.375.873.484)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(976.994.697)	(7.376.621.500)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.575.873.723)	(3.572.630.962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>45.833.378.444</b>	<b>(6.012.430.398)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.425.747.995)	(8.772.735.023)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	145.000.000	1.363.636
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(5.486.334.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	182.321.546	351.792.876
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.098.426.449)</b>	<b>(13.905.912.511)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	36.832.580.000	2.001.900.000
Tiền thu từ đi vay	33	238.458.856.475	257.049.633.753
Tiền trả nợ gốc vay	34	(301.499.778.737)	(226.533.853.676)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.381.976.801)	(660.194.096)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.566.532.000)	(17.538.456.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(44.156.851.063)</b>	<b>14.319.029.481</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>(1.421.899.068)</b>	<b>(5.599.313.428)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>6.270.728.702</b>	<b>11.866.984.022</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	151.338	3.058.108
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>4.848.980.972</b>	<b>6.270.728.702</b>

NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

VÕ NGỌC HUỖNH THƯ  
Kế toán trưởng



TRINH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301671386, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 3 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 6 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là:

- Sản xuất, gia công các loại bao bì bằng kim loại;
- Dịch vụ cho thuê sân bãi, nhà xưởng, kho tàng thuộc quyền sử dụng của Công ty;
- In, tráng verni trên sắt lá;
- Bán buôn các loại vật tư, hóa chất sử dụng công nghệ in trên sắt lá;
- Bán buôn các loại sắt lá, nhôm lá (dạng cuộn, dạng tờ); và
- Xuất khẩu, nhập khẩu, quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế dùng trong các lĩnh vực: in, tráng verni trên sắt lá.

#### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Một vài số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước do áp dụng Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các quy định có thay đổi ảnh hưởng đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính của Công ty chủ yếu là tỷ giá áp dụng để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ.

#### 1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng số nhân viên của Công ty là 318 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 366 người).

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Các giao dịch bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 31/12/2015: 22.450 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 31/12/2015: 22.540 VND/USD.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí bảo hiểm cháy nổ, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí khác đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí mở rộng, sửa chữa phân xưởng và chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 24 tháng đến 60 tháng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 28
Máy móc, thiết bị	03 – 22
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	20

### 4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc, thiết bị	10

### 4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

14891  
NG T  
HIỆM H  
A TO  
IỆT N  
P. HỒ  
10/03/2017



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### **4.12 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### ***Doanh thu gia công***

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.14 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### 4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần (trước đây là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH một thành viên) Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Bà Huỳnh Thị Thanh Dung	Nhà đầu tư Thành viên chủ chốt Cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt – VND	347.288.279	50.225.899
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	4.481.292.197	5.348.853.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	13.663.744	871.644.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	5.379	5.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – AUD	6.731.373	-
	<b>4.848.980.972</b>	<b>6.270.728.702</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)**

Chi tiết số dư tiền và các khoản tương đương tiền gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	608,63	13.663.744
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – SGD	0,34	5.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – AUD	412,31	6.731.373
		<b>20.400.496</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty cổ phần Kinh Đô Bình Dương	10.573.156.660	4.756.522.210
Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long	6.518.097.971	3.486.641.774
Các khách hàng khác	50.099.488.346	53.438.552.238
	<b>67.190.742.977</b>	<b>61.681.716.222</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng thế chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 2.000.000,00 USD tương đương 44.900.000.000 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty cổ phần Tư vấn – Thiết kế – Xây dựng Hoa Kiến Việt	150.000.000	150.000.000
Công ty TNHH Song Song	141.372.000	758.080.323
Công ty Luật TNHH BDT	50.000.000	50.000.000
VT Overseas Trading	42.014.560	-
Các nhà cung cấp khác	13.555.120	46.077.588.051
	<b>396.941.680</b>	<b>47.035.668.374</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**

**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Thuế GTGT tài sản thuê tài chính	14.955.325	-	89.237.366	-
BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên	94.781.186	-	106.258.485	-
Tạm ứng cho nhân viên	166.000.000	-	132.814.000	-
Ký quỹ mở thư tín dụng mua tài sản cố định	-	-	2.417.532.550	-
Đặt cọc ngắn hạn khác	36.958.000	-	36.958.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	624.910	-
	<b>312.694.511</b>	-	<b>2.783.425.311</b>	-



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.4.2 Phải thu dài hạn khác**

	Giá trị VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Ký quỹ thuê tài chính				
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	342.943.000	-	342.943.000	-
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương VN – CN TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000	-	10.000.000	-
	<b>1.352.943.000</b>	<b>-</b>	<b>1.352.943.000</b>	<b>-</b>

**5.5 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2015 Dự phòng đã trích lập VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2015 Dự phòng đã trích lập VND
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>						
• Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Trên 3 năm	330.870.543	(330.870.543)	Trên 3 năm	330.870.543	(330.870.543)
• Công ty TNHH Tín Thịnh	Trên 1 năm	352.042.030	(176.021.015)	-	-	-
• Công ty CBTP XK Kiên Giang	Trên 3 năm	223.874.352	(223.874.352)	Trên 3 năm	223.874.352	(223.874.352)
• Xí nghiệp chế biến thực phẩm MEKO	Trên 3 năm	191.425.179	(191.425.179)	Trên 3 năm	191.425.179	(191.425.179)
• Phải thu các khách hàng khác		105.525.641	(76.360.672)		91.466.597	(64.543.872)
		<b>1.203.737.745</b>	<b>(998.551.761)</b>		<b>837.636.671</b>	<b>(810.713.946)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	810.713.946	926.467.995
Trích lập dự phòng bổ sung	187.837.815	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(115.754.049)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>998.551.761</b>	<b>810.713.946</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.6 Hàng tồn kho**

	Giá gốc VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá gốc VND	01/01/2015 Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	9.149.249.719	-	8.003.048.592	-
Nguyên liệu, vật liệu	79.650.061.284	-	102.617.480.263	-
Công cụ, dụng cụ	408.222.400	-	276.628.522	-
Thành phẩm	12.285.154.006	-	10.554.797.618	-
Hàng hóa	8.943.641.140	-	10.291.873.574	-
	<b>110.436.328.549</b>	<b>-</b>	<b>131.743.828.569</b>	<b>-</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hàng tồn kho dùng thẻ chấp tại Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) cho khoản vay ngắn hạn là 2.000.000,00 USD tương đương 44.900.000.000 VND.

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	498.759.859	242.735.534
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	213.512.423	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	71.426.849	111.663.841
	<b>783.699.131</b>	<b>354.399.375</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.367.457.336	4.354.749.772
Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng	3.029.319.450	3.012.208.494
Chi phí bảo hiểm	270.417.569	346.374.461
	<b>5.667.194.355</b>	<b>7.713.332.727</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2015	9.591.116.550	266.573.683.812	5.523.371.503	277.575.700	267.431.743	282.233.179.308
Mua trong năm	-	2.765.835.900	-	490.124.545	-	3.255.960.445
Thanh lý	-	(206.084.776)	-	-	-	(206.084.776)
Tại ngày 31/12/2015	<b>9.591.116.550</b>	<b>269.133.434.936</b>	<b>5.523.371.503</b>	<b>767.700.245</b>	<b>267.431.743</b>	<b>285.283.054.977</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2015	8.828.521.574	165.981.254.485	3.523.185.419	188.082.700	267.431.743	178.788.475.921
Khấu hao trong năm	122.099.546	17.868.603.698	446.373.073	43.070.392	-	18.480.146.709
Thanh lý	-	(206.084.776)	-	-	-	(206.084.776)
Tại ngày 31/12/2015	<b>8.950.621.120</b>	<b>183.643.773.407</b>	<b>3.969.558.492</b>	<b>231.153.092</b>	<b>267.431.743</b>	<b>197.062.537.854</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2015	762.594.976	100.592.429.327	2.000.186.084	89.493.000	-	103.444.703.387
Tại ngày 31/12/2015	<b>640.495.430</b>	<b>85.489.661.529</b>	<b>1.553.813.011</b>	<b>536.547.153</b>	-	<b>88.220.517.123</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2015	8.370.121.095	89.002.829.635	2.334.817.065	138.805.700	267.431.743	100.114.005.238
Tại ngày 31/12/2015	<b>8.370.121.095</b>	<b>89.750.031.609</b>	<b>2.334.817.065</b>	<b>138.805.700</b>	<b>267.431.743</b>	<b>100.861.207.212</b>

Giá trị còn lại của máy móc, thiết bị theo sổ sách đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BIDV và Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (HSBC) là 42.785.429.021 VND.

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.916.439.794	2.916.439.794
Thuê tài chính trong năm	48.350.651.000	48.350.651.000
Tăng khác	678.130.108	678.130.108
Tại ngày 31/12/2015	<b>51.945.220.902</b>	<b>51.945.220.902</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2015	802.020.943	802.020.943
Khấu hao trong năm	3.560.229.387	3.560.229.387
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.362.250.330</b>	<b>4.362.250.330</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2015	2.114.418.851	2.114.418.851
Tại ngày 31/12/2015	<b>47.582.970.572</b>	<b>47.582.970.572</b>

Sau khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị được quy định cụ thể trên Hợp đồng thuê tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Công ty cổ phần Căng Rau quả	1.972.000.000	(752.012.200)	1.219.987.800	1.193.321.400
	<u>1.972.000.000</u>	<u>(752.012.200)</u>	<u>1.219.987.800</u>	<u>1.193.321.400</u>

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	778.678.600	505.348.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	273.330.600
Hoàn nhập dự phòng	(26.666.400)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>752.012.200</u></b>	<b><u>778.678.600</u></b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán khác</b>				
MCPPI Investment Pty Ltd	3.295.855.601	3.295.855.601	-	-
RST Resources Pte Ltd	2.117.385.060	2.117.385.060	1.244.516.625	1.244.516.625
W.R.Grace (Singapore) Pte. Ltd	1.933.932.000	1.933.932.000	4.277.718.900	4.277.718.900
Các nhà cung cấp khác	6.177.428.360	6.177.428.360	25.682.328.377	25.682.328.377
	<u>13.524.601.021</u>	<u>13.524.601.021</u>	<u>31.204.563.902</u>	<u>31.204.563.902</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư khoản phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 383.792,76 USD tương đương 8.650.688.811 VND.

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Dinh dưỡng Thực phẩm Eneright	141.364.775	-
Các khách hàng khác	340.340	614.825.823
	<u>141.705.115</u>	<u>614.825.823</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/ đã khấu trừ VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.765.274.010	-	5.672.572.932	(5.535.477.297)	349.766.251	2.165.413.481
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	16.695.930.646	(16.695.930.646)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	227.710.634	-	4.576.193.733	(4.365.348.122)	16.865.023	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.342.226.998	-	4.875.010.712	(976.994.697)	-	2.555.789.017
Thuế thu nhập cá nhân	-	232.683.546	534.086.152	(750.516.432)	-	16.253.266
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	199.648.777	-	1.285.148.757	(1.209.665.625)	124.165.645	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.534.860.419</b>	<b>232.683.546</b>	<b>33.641.942.932</b>	<b>(29.536.932.819)</b>	<b>490.796.919</b>	<b>4.737.455.764</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thuế TNDN phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.532.888.139	15.958.188.235
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Chênh lệch vĩnh viễn		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	328.199.109	252.238.325
<i>Cổ tức đã nhận được</i>	(146.665.200)	(106.665.600)
Chênh lệch tạm thời		
<i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	(151.338)	87.556.537
<i>Các khoản chi phí trích trước</i>	96.072.550	48.757.476
<i>Chi phí công cụ, dụng cụ</i>	(436.560.670)	(840.810.456)
<i>Chi phí xây dựng trạm xử lý nước thải và mở rộng phân xưởng</i>	(214.642.992)	(187.000.117)
Thu nhập chịu thuế TNDN	<b>22.159.139.598</b>	<b>15.212.264.400</b>
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.875.010.712</b>	<b>3.346.698.168</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế TNDN phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.14 Phải trả người lao động**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền lương phải trả	2.297.610.519	1.858.812.178
Tiền ăn ca phải trả	307.410.000	272.740.000
Trích trước quỹ lương	3.500.000.000	2.200.000.000
	<u>6.105.020.519</u>	<u>4.331.552.178</u>

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 12 tháng 5 năm 2015, quỹ lương Công ty năm 2015 tối đa 10% doanh thu.

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Ông Nguyễn Quý – chi phí lãi vay phải trả	-	4.531.945
Ông Trần Giang Sơn – chi phí lãi vay phải trả	-	5.415.277
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Chi phí hoa hồng bán hàng	818.956.703	939.479.662
Chi phí lãi vay phải trả – ngân hàng	174.415.963	423.709.038
Chi phí lãi vay phải trả – cán bộ, nhân viên Công ty	7.304.327	43.368.414
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	65.000.000	62.500.000
	<u>1.065.676.993</u>	<u>1.479.004.336</u>

**5.16 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần – cổ tức phải trả	-	3.299.670.400
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	37.069.096	37.069.096
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.576.222.037	13.512.987.682
Cổ tức phải trả	877.693.747	828.002.547
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	35.739.709	111.685.453
	<u>11.526.724.589</u>	<u>17.789.415.178</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**

**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị	31/12/2015	Giá trị	01/01/2015
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>				
Vay ngắn hạn các cá nhân				
• Ông Nguyễn Quí	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
• Ông Trần Giang Sơn	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
• Ngân hàng BIDV (i)	40.588.130.676	40.588.130.676	62.552.197.803	62.552.197.803
• Ngân hàng HSBC (ii)	12.405.573.222	12.405.573.222	25.831.269.577	25.831.269.577
Vay ngắn hạn các cá nhân				
• Cán bộ, nhân viên Công ty (iii)	732.375.634	732.375.634	7.723.448.774	7.723.448.774
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	6.622.463.508	6.622.463.508
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.453.996.599	8.453.996.599	8.381.976.801	8.381.976.801
	<b>62.180.076.131</b>	<b>62.180.076.131</b>	<b>113.811.356.463</b>	<b>113.811.356.463</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/94178/HĐTD ngày 12 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở thư tín dụng đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay với lãi suất vay từ 5,50%/năm đến 6,50%/năm. Hình thức đảm bảo tiền vay là cầm cố máy móc, thiết bị của Công ty.

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM150754 ngày 06 tháng 5 năm 2015 với hạn mức là 2.000.000,00 USD hoặc tương đương bằng VND để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại của Công ty. Thời hạn vay không quá 6 tháng đối với từng khế ước nhận nợ với lãi suất vay từ 5,00%/năm đến 7,00%/năm. Hình thức đảm bảo khoản vay là thế chấp giá trị hàng tồn kho tại kho có giá trị 2.000.000,00 USD và thế chấp các khoản phải thu trị giá 2.000.000,00 USD.

(iii) Khoản vay bên liên quan và cán bộ, nhân viên Công ty để bổ sung vốn lưu động với lãi suất vay là 5,40%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	88.383.467.380	192.227.135.237	(227.616.898.719)	52.993.703.898
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.423.448.774	46.231.721.238	(55.922.794.378)	732.375.634
Vay dài hạn đến hạn trả	6.622.463.508	-	(6.622.463.508)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.381.976.801	8.453.996.599	(8.381.976.801)	8.453.996.599
	<b>113.811.356.463</b>	<b>246.912.853.074</b>	<b>(298.544.133.406)</b>	<b>62.180.076.131</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
• Ngân hàng BIDV	-	-	10.114.289.125	10.114.289.125
• Ngân hàng HSBC	-	-	7.845.796.515	7.845.796.515
Nợ thuê tài chính				
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) (i)	156.157.735	156.157.735	931.782.244	931.782.244
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	32.499.868.908	32.499.868.908	40.106.221.200	40.106.221.200
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	(6.622.463.508)	(6.622.463.508)
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(8.453.996.599)	(8.453.996.599)	(8.381.976.801)	(8.381.976.801)
	<b>24.202.030.044</b>	<b>24.202.030.044</b>	<b>43.993.648.775</b>	<b>43.993.648.775</b>

(i) Khoản thuê tài chính từ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC) theo Hợp đồng cho thuê số 2011-00040-000, giá mua là 3.207.637.666 VND với thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất cho thuê hiện hành bằng lãi suất cơ bản là 6,33%/năm và lãi suất chỉ định là 3,00%/năm, lãi suất cơ bản có thể được điều chỉnh trong thời gian thuê. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê với giá trị bằng 1,00% giá mua. Số dư nợ gốc vay dài hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 156.157.735 VND.

(ii) Khoản thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho thuê số 55.14.04 ngày 06 tháng 3 năm 2014 và Phụ lục 01 ngày 28 tháng 10 năm 2014, giá mua là 40.106.221.200 VND với thời hạn thuê là 60 tháng. Theo Hợp đồng cho thuê, lãi suất thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản cộng với biên độ 2,00%/năm. Khi kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại tài sản thuê theo giá bán danh nghĩa là 20.000.000 VND. Số dư nợ gốc vay dài hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 32.499.868.908 VND.

Kỳ hạn thanh toán nợ thuê tài chính như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Nợ thuê tài chính	32.656.026.643	8.453.996.599	24.202.030.044	-
	<b>32.656.026.643</b>	<b>8.453.996.599</b>	<b>24.202.030.044</b>	<b>-</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Nợ thuê tài chính	41.038.003.444	8.381.976.801	32.656.026.643	-
	<b>41.038.003.444</b>	<b>8.381.976.801</b>	<b>32.656.026.643</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền gốc phải trả	8.453.996.599	24.202.030.044	-	32.656.026.643
Lãi thuê phải trả	2.642.233.529	3.257.885.208	-	5.900.118.737
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>11.096.230.128</b>	<b>27.459.915.252</b>	-	<b>38.556.145.380</b>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền gốc phải trả	8.381.976.801	32.656.026.643	-	41.038.003.444
Lãi thuê phải trả	3.561.132.856	5.900.118.737	-	9.461.251.593
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>11.943.109.657</b>	<b>38.556.145.380</b>	-	<b>50.499.255.037</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	01/01/2015 VND	Phát sinh trong năm		31/12/2015 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay dài hạn ngân hàng	11.337.622.132	-	(11.337.622.132)	-
Nợ thuê tài chính	32.656.026.643	-	(8.453.996.599)	24.202.030.044
	<b>43.993.648.775</b>	-	<b>(19.791.618.731)</b>	<b>24.202.030.044</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**5.18 Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	01/01/2015 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2015 VND
Quỹ khen thưởng	504.995.098	1.270.180.361	(1.081.875.000)	693.300.459
Quỹ phúc lợi	385.049.166	381.054.108	(760.450.405)	5.652.869
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(511.595.000)	589.075.000	(733.548.318)	(656.068.318)
	<b>378.449.264</b>	<b>2.240.309.469</b>	<b>(2.575.873.723)</b>	<b>42.885.010</b>

**5.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

	01/01/2015 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2015 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	184.978.300	(97.666.166)	87.312.134
Chi phí sửa chữa, mở rộng phân xưởng	41.140.026	1.788.572	42.928.598
	<b>226.118.326</b>	<b>(95.877.594)</b>	<b>130.240.732</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU  
 Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**

**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	103.395.200.000	24.080.701.449	(317.124.000)	13.739.774.805	7.696.602.023	15.204.082.132	163.799.236.409
Tăng vốn trong năm	2.067.900.000	(66.000.000)	-	-	-	-	2.001.900.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	12.701.803.611	12.701.803.611
Trích lập quỹ	-	-	-	1.809.533.643	1.173.036.027	(2.982.569.670)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.932.794.262)	(2.932.794.262)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2013	-	-	-	-	-	(9.288.718.200)	(9.288.718.200)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	-	(8.422.070.400)	(8.422.070.400)
Phân loại lại theo TT 200/2014/TT-BTC	-	-	-	8.869.638.050	(8.869.638.050)	-	-
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>	<b>105.463.100.000</b>	<b>24.014.701.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>24.418.946.498</b>	-	<b>4.279.733.211</b>	<b>157.859.357.158</b>
Tăng vốn trong năm	45.250.270.000	(8.417.690.000)	-	-	-	-	36.832.580.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.753.755.021	17.753.755.021
Trích lập quỹ	-	-	-	2.039.423.342	-	(2.039.423.342)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(2.240.309.469)	(2.240.309.469)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2015	-	-	-	-	-	(6.316.552.800)	(6.316.552.800)
Giảm khác	-	(40.000.000)	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>150.713.370.000</b>	<b>15.557.011.449</b>	<b>(317.124.000)</b>	<b>26.458.369.840</b>	-	<b>11.437.202.621</b>	<b>203.848.829.910</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.20.2 Tình hình tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 65/GCN-UBCK ngày 04 tháng 9 năm 2015 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đăng ký chào bán 4.526.862 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND, trong đó:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 842.207 cổ phiếu. Toàn bộ số cổ phần phát hành sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:8 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu vào ngày chốt danh sách hưởng quyền sẽ được nhận thêm 8 cổ phiếu mới phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu). Nguồn vốn sử dụng là thặng dư vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 3.684.655 cổ phiếu.  
Tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu) là 45.268.620.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27/HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2015, Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 38/MC ngày 12 tháng 11 năm 2015 và Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 18 tháng 11 năm 2015, kết quả chào bán cổ phiếu của Công ty như sau:

Đối tượng	Số cổ phiếu		Tổng giá trị VND	Trong đó	
	được phân phối CP	Mệnh giá VND		Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Cổ đông hiện hữu	841.769	10.000	8.417.690.000	-	8.417.690.000
Cổ đông hiện hữu	3.683.258	10.000	36.832.580.000	36.832.580.000	-
			<b>45.250.270.000</b>	<b>36.832.580.000</b>	<b>8.417.690.000</b>

**5.20.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản				
- Công ty cổ phần Ông Trịnh Hữu Minh	58.981.600.000	39,13	41.246.420.000	39,11
Ông Nguyễn Quý	18.962.310.000	12,58	12.559.160.000	11,91
Các cổ đông khác	16.509.480.000	10,95	10.753.890.000	10,20
	56.259.980.000	37,34	40.903.630.000	38,78
	<b>150.713.370.000</b>	<b>100,00</b>	<b>105.463.100.000</b>	<b>100,00</b>

**5.20.4 Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.178.180	10.651.318
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	15.071.337	10.546.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	18.722	18.722
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	15.052.615	10.527.588
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**5.20.5 Phân phối lợi nhuận**

Công ty đã phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 12 tháng 5 năm 2015, chi tiết như sau:

	VND
• Cổ tức cho các cổ đông	8.422.070.400
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.039.423.342
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	2.240.309.469
	<b>12.701.803.211</b>

**5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**5.21.1 Tài sản nhận giữ hộ**

	31/12/2015	01/01/2015
	Tờ	Tờ
Sắt dạng tờ	612.864	489.875

**5.21.2 Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	608,63	40.778,67
Dollar Singapore (SGD)	0,34	0,34
Dollar Úc (AUD)	412,31	-

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2015	2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	307.412.991.037	293.613.300.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	73.857.692.935	76.994.870.007
	<b>381.270.683.972</b>	<b>370.608.170.605</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(49.822.200)	(200.838.250)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>381.220.861.772</b>	<b>370.407.332.355</b>

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	269.225.122.059	256.489.877.200
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.753.819.429	62.718.003.854
	<b>324.978.941.488</b>	<b>319.207.881.054</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi	35.656.346	245.127.276
Cổ tức được chia	146.665.200	106.665.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.524.782	74.707.449
	<u>231.846.328</u>	<u>426.500.325</u>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	9.479.280.856	8.498.826.989
Dự phòng tổn thất đầu tư	(26.666.400)	273.330.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá	712.243.581	2.230.470.224
	<u>10.164.858.037</u>	<u>11.002.627.813</u>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí vật liệu bao bì, công cụ dụng cụ	7.316.883.091	6.541.582.950
Chi phí hoa hồng	2.027.402.881	2.117.774.281
Chi phí vận chuyển	2.738.956.089	2.953.494.062
Chi phí nhiên liệu	1.068.537.314	1.395.227.466
Chi phí bán hàng khác	681.901.859	618.549.788
	<u>13.833.681.234</u>	<u>13.626.628.547</u>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	6.839.447.846	6.678.857.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.515.126.574	5.612.442.822
	<u>14.354.574.420</u>	<u>12.291.300.528</u>

**6.7 Thu nhập khác**

	2015 VND	2014 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	145.000.000	1.363.636
Tiền thuê mặt bằng thu được	4.089.101.139	-
Thu bồi thường sắt, hóa chất	78.972.919	204.240.480
Thu nhập khác	99.161.160	1.047.189.381
	<u>4.412.235.218</u>	<u>1.252.793.497</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hoãn lại**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1.788.572	16.392.988
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(97.666.166)	(106.706.532)
	<u>(95.877.594)</u>	<u>(90.313.544)</u>

**6.9 Lãi trên cổ phiếu**

**6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.753.755.021	12.701.803.611
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(3.246.300.910)	(2.240.309.469)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.507.454.111	10.461.494.142
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	11.086.908	10.388.217
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.309</b>	<b>1.007</b>

**6.9.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.641.987.720	222.805.173.619
Chi phí nhân công	36.017.544.550	34.481.917.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.040.376.096	18.857.073.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.810.736.229	4.792.930.426
Chi phí khác	37.709.948.319	29.716.204.505
	<u>336.220.592.914</u>	<u>310.653.299.005</u>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

**7.1.1 Mua sắm tài sản cố định**

Trong năm 2015, Công ty đã mua dây chuyền máy in UV 2 màu trị giá 48.350.651.000 VND thông qua nghiệp vụ thuê mua tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**7.1.2 Tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 27/HĐQT ngày 12 tháng 11 năm 2015 và các báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 18 tháng 11 năm 2015, Công ty đã tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần với số lượng 841.769 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND với tổng giá trị là 8.417.690.000 VND (chi tiết xem Thuyết minh số 5.20.2).

**7.2 Tiền thu từ đi vay**

	2015 VND	2014 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	238.458.856.475	257.049.633.753
	<u>238.458.856.475</u>	<u>257.049.633.753</u>

**7.3 Tiền trả nợ gốc vay**

	2015 VND	2014 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	301.499.778.737	226.533.853.676
Tiền trả nợ thuê tài chính	8.381.976.801	660.194.096
	<u>309.881.755.538</u>	<u>227.194.047.772</u>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư dài hạn và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro tiền tệ.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
Tiền và các khoản tương đương tiền	608,63	40.778,67
Phải thu khách hàng	-	505,40
Phải trả người bán ngắn hạn	(383.792,76)	(1.183.266,18)
Phải trả ngắn hạn khác	(23.092,56)	(23.541,96)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(93.904,00)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	(93.899,00)
	<b>(406.276,69)</b>	<b>(1.353.327,07)</b>

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Với giả định các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy lợi nhuận trước thuế của công ty (do sự thay đổi hợp lý của tài sản và nợ phải trả).

**USD**

	Thay đổi tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế	
		USD	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			
VND	+1%	(4.062,77)	(91.575.010)
VND	-1%	4.062,77	91.575.010
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014			
VND	+1%	(13.533,27)	(289.263.339)
VND	-1%	13.533,27	289.263.339



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

### ii. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### iii. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Các khoản vay và nợ	62.180.076.131	24.202.030.044	86.382.106.175
Phải trả người bán	13.524.601.021	-	13.524.601.021
Chi phí phải trả và phải trả khác	12.555.332.486	-	12.555.332.486
	<b>88.260.009.638</b>	<b>24.202.030.044</b>	<b>112.462.039.682</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản vay và nợ	113.811.356.463	43.993.648.775	157.805.005.238
Phải trả người bán	31.204.563.902	-	31.204.563.902
Chi phí phải trả và phải trả khác	19.231.350.418	-	19.231.350.418
	<b>164.247.270.783</b>	<b>43.993.648.775</b>	<b>208.240.919.558</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã thế chấp tất cả các khoản phải thu, hàng tồn kho và máy móc, thiết bị của mình vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.2, 5.6, 5.8 và 5.17*).

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 10.576.222.037 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.512.987.682 VND.

**iv. Giá trị hợp lý**

*So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Giá trị ghi sổ Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Giá trị hợp lý Ngày 31 tháng 12 năm 2014 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	66.192.191.216	60.871.002.276	66.192.191.216	60.871.002.276
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.389.901.000	3.807.433.550	1.389.901.000	3.807.433.550
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	1.219.987.800	1.193.321.400	1.219.987.800	1.193.321.400
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	4.848.980.972	6.270.728.702	4.848.980.972	6.270.728.702
<b>Tổng cộng</b>	<b>73.651.060.988</b>	<b>72.142.485.928</b>	<b>73.651.060.988</b>	<b>72.142.485.928</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	86.382.106.175	157.805.005.238	86.382.106.175	157.805.005.238
<i>Phải trả người bán</i>	13.524.601.021	31.204.563.902	13.524.601.021	31.204.563.902
<i>Chi phí phải trả và phải trả khác</i>	12.555.332.486	19.231.350.418	12.555.332.486	19.231.350.418
<b>Tổng cộng</b>	<b>112.462.039.682</b>	<b>208.240.919.558</b>	<b>112.462.039.682</b>	<b>208.240.919.558</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**v. Phòng ngừa rủi ro**

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**9.1 Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

	2015 VND	2014 VND
Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	566.000.000	589.075.000
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	609.093.463	562.830.384
	<b>1.175.093.463</b>	<b>1.151.905.384</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt*

	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Ông Trịnh Hữu Minh	Vay ngắn hạn	7.465.416.432	908.000.000
	Chi phí lãi vay	14.352.949	16.419.667
Ông Nguyễn Quý	Vay ngắn hạn	7.450.000.000	5.200.000.000
	Chi phí lãi vay	96.998.890	72.052.777
Ông Trần Giang Sơn	Vay ngắn hạn	4.040.000.000	4.550.000.000
	Chi phí lãi vay	74.067.776	65.425.693
Bà Huỳnh Thị Thanh Dung	Vay ngắn hạn	17.433.245.171	14.448.012.656
	Chi phí lãi vay	278.960.504	181.808.512

*Số dư phải trả với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt*

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ông Nguyễn Quý	Vay ngắn hạn	-	1.500.000.000
	Chi phí lãi vay	-	4.531.945
Ông Trần Giang Sơn	Vay ngắn hạn	-	1.200.000.000
	Chi phí lãi vay	-	5.415.277
Bà Huỳnh Thị Thanh Dung	Vay ngắn hạn	-	5.887.939.269
	Chi phí lãi vay	-	26.663.007

**9.2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	2015 VND	2014 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần	Cổ tức phải trả	2.474.752.800	7.011.799.600



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)***Số dư phải trả với các bên liên quan khác*

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần	Cổ tức phải trả	-	3.299.670.400

**9.3 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, do Công ty chỉ có hoạt động sản xuất bao bì bằng kim loại nên báo cáo bộ phận được lập theo khu vực địa lý.

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần – trong nước	379.395.019.487	368.621.674.425
Doanh thu thuần – xuất khẩu	1.825.842.285	1.785.657.930
	<b>381.220.861.772</b>	<b>370.407.332.355</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý.

**9.4 Số liệu so sánh****9.4.1 Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9.4.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước khi trình bày lại VND	Trình bày lại VND	Số liệu sau khi trình bày lại VND	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Phải thu ngắn hạn khác	136	196.120.761	2.587.304.550	2.783.425.311	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.587.304.550	(2.587.304.550)	-	(i)
Phải thu dài hạn khác	216	-	1.352.943.000	1.352.943.000	(ii)
Tài sản dài hạn khác	268	1.352.943.000	(1.352.943.000)	-	(ii)
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	315	1.425.688.700	53.315.636	1.479.004.336	(iii)
Phải trả ngắn hạn khác	319	17.842.730.814	(53.315.636)	17.789.415.178	(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	15.549.308.448	8.869.638.050	24.418.946.498	(iv)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.223	(216)	1.007	(v)
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>					
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(16.290.617.249)	1.979.695.175	(14.310.922.074)	(vi)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(28.065.250.760)	15.700.224.812	(12.365.025.948)	(vii)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	26.481.732.027	(26.481.732.027)	-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(12.374.443.002)	8.801.812.040	(3.572.630.962)	

(i) Tăng số dư chỉ tiêu khoản phải thu ngắn hạn khác do trình bày lại các khoản mục:

Tạm ứng cho nhân viên	132.814.000
Đặt cọc mua gas	36.958.000
Ký quỹ mở thư tín dụng mua sắm tài sản cố định	2.417.532.550
	<b>2.587.304.550</b>

(ii) Tăng số dư chỉ tiêu khoản phải thu dài hạn khác do trình bày lại các khoản mục:

Ký quỹ thuê tài chính	
• Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)	342.943.000
• Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. Hồ Chí Minh	1.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	10.000.000
	<b>1.352.943.000</b>

(iii) Trình bày lại chi phí lãi vay phải trả cán bộ, nhân viên Công ty.

(iv) Trình bày lại số dư quỹ dự phòng tài chính.

(v) Điều chỉnh phương pháp tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(vi) Điều chỉnh khoản tiền chi ký quỹ và thu hồi ký quỹ, chi tiết như sau:

Tiền chi ký quỹ	(8.706.638.825)
Tiền thu hồi ký quỹ	10.686.334.000
	<b>1.979.695.175</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới (tiếp theo)**

(vii) Điều chỉnh khoản tiền thu do nhận đặt cọc và chi hoàn trả đặt cọc cho khách hàng, chi tiết như sau:

Tiền thu do nhận đặt cọc của khách hàng	15.795.398.027
Tiền chi hoàn trả đặt cọc cho khách hàng	(95.173.215)
	<b>15.700.224.812</b>

**9.5 Các cam kết****9.5.1 Cam kết mua nguyên vật liệu**

Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp với các hợp đồng như sau:

Nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu	Số	Hợp đồng Ngày	Nguyên tệ	Giá trị hợp đồng
					Giá trị
Sumitomo Corporation	Sắt	KJHE-16-8603	07/12/2015	USD	70.100,00
Dongwon EnC Corp.	Nắp dễ mở	14/MPC- DONGWON/16	14/01/2016	USD	44.165,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TG 4B462	04/01/2016	USD	42.000,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TG 4B463	04/01/2016	USD	21.600,00
Baosteel Singapore Pte Ltd	Sắt	BS-TG 4B480	13/01/2016	USD	21.150,00
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF 1602005	08/12/2015	VND	1.168.942.500
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF 1603003	14/12/2015	VND	469.454.535
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS1602007	14/12/2015	VND	451.350.900
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF1603007	04/01/2016	VND	469.350.420
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS1603010	04/01/2016	VND	446.292.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPH1603001	04/01/2016	VND	684.314.400
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPS1603018	15/01/2016	VND	1.255.903.000
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF1603011	18/01/2016	VND	670.806.400
Công ty TNHH Perstima (VN)	Sắt	LPF1604002	18/01/2016	VND	340.335.600
Công ty TNHH Song Song	Bản kẽm	SSC/MPC/15-24	15/12/2015	VND	706.860.000
Công ty TNHH Song Song	Phụ tùng	SSC/MPC/16-01	21/01/2016	VND	464.079.000

**9.5.2 Cam kết bán hàng hóa**

Công ty đã ký hợp đồng bán hàng hóa cho các khách hàng như sau:

Khách hàng	Loại hàng hóa	Số	Hợp đồng Ngày	Giá trị hợp đồng
				VND
Công ty cổ phần Bibica	Hộp	06HB/KD-HĐMB/15	13/07/2015	94.000.000
Công ty TNHH MTV Đóng gói Đông Dương	Lon	53-HĐ/KD-HĐMB/15	08/11/2015	447.000.000
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Hán Linh	Lon	48-HĐ/KD-HĐMB/15	02/11/2015	2.800.000.000
Công ty TNHH MTV Tans	Lon	57-HĐ/KD-HĐMB/15	23/11/2015	222.000.000
Công ty cổ phần Dược phẩm Green	Hộp	10-HT/KD-HĐMB/15	29/12/2015	286.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ BAO BÌ MỸ CHÂU**

Địa chỉ: 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

**9.6 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**9.7 Các vấn đề khác**

Công ty cho thuê kho hàng, nhà xưởng tại 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên khi hết thời hạn thuê, các bên đi thuê vẫn chưa thanh toán tiền thuê và hoàn trả lại kho hàng, nhà xưởng đi thuê cho Công ty. Số tiền Công ty ước tính các bên đi thuê chưa thanh toán như sau:

Bên đi thuê	Hợp đồng số	Địa điểm thuê	Thời gian	Tiền thuê (chưa VAT) VND
Công ty TNHH Dược phẩm AAA	02/2011/KH	Khu văn phòng	Từ 31/03/2012 đến 19/11/2013	420.753.750
	03/2012/KH	Kho hàng, kho phụ	Từ 31/03/2012 đến 10/08/2012	263.336.666
				<b>684.090.416</b>
Công ty TNHH Dược phẩm 3A	01/2004/MPC	Nhà xưởng	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2014	634.996.008
	05/2012/KH	Kho phụ	Từ 01/04/2012 đến 10/08/2012	194.078.505
	06/2012/KH	Kho hàng và nhà để xe	Từ 01/04/2012 đến 31/03/2014	2.995.780.711
				<b>3.824.855.224</b>

Ngày 10 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu đã khởi kiện hai công ty nêu trên tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú.


Theo Công văn số 522/UBND-PCNC ngày 30 tháng 01 năm 2015 về việc quản lý, sử dụng khu đất của Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu tại số 18 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú và Quyết định số 44/QĐ-TTTP-P2 ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc chuyển trả tiền thu hồi do Chánh Thanh Tra Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, vào ngày 14 tháng 02 năm 2015, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển trả khoản tiền thuê đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 với số tiền là 4.498.011.253 VND, trong đó số tiền thuê (đã bao gồm VAT) của Công ty TNHH Dược phẩm AAA là 752.499.457 VND và của Công ty TNHH Dược phẩm 3A là 3.745.511.796 VND.

Theo đó, vào ngày 31 tháng 3 năm 2015, Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 29/2015/QĐST-KDTM theo yêu cầu rút đơn khởi kiện của Công ty do Công ty TNHH Dược phẩm AAA đã hoàn trả đầy đủ khoản tiền thuê và bàn giao nhà xưởng đã thuê cho Công ty.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục nộp đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Dược phẩm 3A tại Tòa án Nhân dân Quận Tân Phú do Công ty TNHH Dược phẩm 3A vẫn chưa bàn giao nhà xưởng, kho hàng cho Công ty mặc dù đã hết thời hạn và chưa thanh toán khoản tiền sử dụng nhà xưởng của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến nay.

  
NGUYỄN THỊ QUYÊN  
Người lập biểu

  
VÕ NGỌC HUỖNH THU  
Kế toán trưởng

  
TRỊNH HỮU MINH  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016